

VỀ XU THẾ PHÁT TRIỂN, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CHẾ BIẾN DẦU KHÍ - GÓC NHÌN TỪ VIỆT NAM

HỒ SĨ THOẢNG, BỖ VĂN TỬ

Hội Dầu khí Việt Nam

Bài viết trình bày tóm lược bức tranh tổng thể cũng như xu thế phát triển của ngành công nghiệp chế biến dầu khí trên thế giới, trong khu vực và những thách thức trong việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực này ở Việt Nam.

Từ kinh nghiệm trong việc thu hút các đối tác nước ngoài cũng như những thách thức của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các tác giả đã rút ra những bài học bổ ích. Để thu hút đầu tư, nguyên tắc quan trọng nhất là Nhà nước và nhà đầu tư cùng có lợi, đồng thời nhà đầu tư được bảo đảm sẽ thu được lợi nhuận tối thiểu thỏa đáng; các chính sách và cam kết đối với dự án phải rõ ràng, minh bạch, ổn định.

Đặt vấn đề

Ngành công nghiệp chế biến dầu khí bao gồm hai lĩnh vực vẫn thường được gọi là “lọc dầu” và “hóa dầu”. Thực chất, hai lĩnh vực này chỉ là hai giai đoạn nối tiếp và đan xen nhau của toàn bộ ngành công nghiệp chế biến dầu khí. Mặc dù vậy, trong khi quy mô của ngành lọc dầu hết sức lớn, gần như tiêu thụ hết tất cả sản lượng dầu thô khai thác được (hàng năm khoảng 4 tỷ tấn), thì ngành hóa dầu có quy mô nhỏ hơn nhiều, chỉ chiếm khoảng 10-15% so với ngành lọc dầu. Nhiều nhà máy chế biến dầu hiện nay chủ trương kết hợp càng nhiều càng tốt hai khâu lọc và hóa dầu để tạo lợi nhuận cao hơn là chỉ lọc dầu, tức sản phẩm của nhà máy chỉ là các loại nhiên liệu cho công nghiệp, giao thông vận tải và dân dụng. Trên thế giới vẫn có những nhà máy hóa dầu thuần túy, nghĩa là không có công đoạn lọc dầu, mà sử dụng các nguồn nguyên liệu từ bên ngoài nhà máy, hoặc nhập từ nước ngoài, tuy nhiên, phần lớn các cơ sở chế biến dầu đều có cả hai công đoạn với mức độ tích hợp khác nhau.

Nói chung, ngành công nghiệp chế biến dầu là lĩnh vực sản xuất kinh doanh lợi nhuận không cao, nhất là so với ngành thăm dò khai thác dầu khí. Vì vậy, trừ một số công ty nhà nước, phần lớn các tập đoàn/công ty chế biến dầu khí tư nhân lớn đều là những tập đoàn/công ty có hoạt động thăm dò khai thác dầu khí (điển hình là các tập đoàn dầu khí quốc tế khổng lồ) hoặc những tập đoàn kinh doanh đa ngành, trong đó chế biến dầu khí chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (điển hình là một số tập đoàn của Nhật Bản là nước hầu như không có nguồn dầu mỏ của mình).

Một đặc điểm của ngành chế biến dầu khí hiện nay là tính cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là trong phạm vi lọc dầu. Trong khi các tiêu chí bảo vệ môi trường đối với sản phẩm dầu thay đổi quá nhanh theo hướng giảm các tạp chất độc hại (điển hình và có tính đại diện là các hợp chất chứa lưu huỳnh) thì sự “gia nhập” của các nhà máy mới vào đại gia đình lọc - hóa dầu gặp một chương ngại rất lớn là các nhà máy cũ đã vận hành nhiều năm, hết khấu hao cho nên khả năng

sinh lợi cao hơn nhiều. Các nhà máy này chỉ cần đầu tư thêm khâu nâng cao chất lượng sản phẩm (chủ yếu là làm sạch lưu huỳnh) là đủ để đáp ứng các tiêu chí gay gắt (ví dụ như Euro IV, Euro V). Thống kê [1] cho thấy, ở Hoa Kỳ, từ năm 1982 đến năm 2002 công suất lọc dầu hầu như không thay đổi (tương ứng 17,618 triệu thùng/ngày và 17,177 triệu thùng/ngày) nhưng số lượng các nhà máy chế biến dầu thì giảm từ 262 xuống còn 159. Số lượng các nhà máy chỉ một chủ (công ty) sở hữu (chiếm 61% công suất toàn liên bang) giảm từ 108 xuống còn 66, trong khi số lượng các liên doanh tăng từ 22 lên 46. Số lượng các nhà máy nhỏ (chiếm 13% công suất toàn liên bang) giảm mạnh nhất, từ 133 xuống còn 58. Xu thế liên kết giữa các công ty để giảm bớt rủi ro (đương nhiên cũng chia sẻ lợi nhuận) và toàn cầu hóa thông qua thị trường chứng khoán thể hiện khá rõ.

Vài nét về hiện trạng công nghiệp chế biến dầu khí

Trong cân bằng năng lượng toàn cầu, dầu khí có vai trò hết sức to lớn.

Trữ lượng xác minh (proved reserve, tức trữ lượng chắc chắn có thể khai thác được) toàn cầu của dầu và khí trong 20 năm qua vẫn tiếp tục tăng trưởng đáng kể. Theo thống kê năm 2012 của Tập đoàn dầu khí BP [2], các số liệu gia tăng trữ lượng xác minh dầu khí từ 1991 đến 2011 diễn biến như sau (bảng 1).

Bảng 1: trữ lượng xác minh của dầu mỏ và khí thiên nhiên giai đoạn 1991-2011

Trữ lượng dầu cuối các năm (tỷ tấn)				Trữ lượng khí cuối các năm (ngàn tỷ m ³)			
1991	2001	2010	2011	1991	2001	2010	2011
146	179	229	234	131	168	196	208

Các con số trên đây cho thấy, gia tăng trữ lượng xác minh dầu mỏ và khí thiên nhiên là rất ấn tượng. Nói cách khác, “thời gian sống” của dầu và khí thiên nhiên (“lifetime”, được tính bằng cách lấy trữ lượng chia cho sản lượng khai thác ở năm hiện tại) với tư cách là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu cho nhân loại hàng năm vẫn tiếp tục được kéo dài (hiện nay đã lên trên 58 năm đối với dầu và trên 63 năm đối với khí thiên nhiên), mặc dù sản lượng khai thác năm sau cao hơn năm trước. Điều đó có nghĩa là hàng năm gia tăng trữ lượng dầu và khí cao hơn nhiều so với sản lượng khai thác và tiêu thụ chúng.

Năm 2011, thế giới đã sử dụng hết 12,274 tỷ tấn nhiên liệu quy đổi theo dầu, tăng 2,5% so với năm 2010. Tỷ lệ tham gia của các dạng nhiên liệu được phân bố như sau: dầu mỏ 4.059 triệu tấn (33,1%); khí thiên nhiên 2.905 triệu tấn (23,6%); than 3.724 triệu tấn (30,3%); điện hạt nhân 599 triệu tấn (5%); thủy điện 791 triệu tấn (6,4%); năng lượng tái tạo 195 triệu tấn (1,6%). Nhìn chung, trong những năm gần đây, trữ sản lượng điện hạt nhân bị suy giảm, sản lượng các dạng năng lượng tiêu thụ đều tăng nhưng với tốc độ chậm lại. Riêng đối với dầu mỏ, trong khi tiêu thụ ở các nước công nghiệp phát triển (OECD) giảm liên tục trong 5 năm gần đây (năm 2011

trở về mức tiêu thụ năm 1995), thì ở một số nước ngoài OECD mức tiêu thụ vẫn tăng. Trung Quốc là quốc gia có mức tăng tiêu thụ khá cao (năm 2011 tăng thêm 550 ngàn thùng/ngày, tăng 5,5% so với năm 2010) nhưng năm 2011 cũng là năm tăng thấp nhất so với mức trung bình 10 năm vừa qua. Đó là do ảnh hưởng của suy thoái kinh

tế toàn cầu.

Năm 2011, so với năm 2010, sản lượng dầu được chế biến toàn cầu chỉ tăng 375.000 thùng/ngày, đạt con số 75,563 triệu thùng/ngày (tăng 0,5%). Sản lượng chế biến ở các nước OECD giảm 310.000 thùng/ngày, trong khi ở các nước ngoài OECD (nhất là Trung Quốc) tăng 685.000 thùng/ngày. Công suất chế biến dầu tăng 1,4 triệu thùng/ngày trong khi tỷ lệ sử dụng công suất chỉ đạt 81,2%. Diễn biến tỷ lệ công suất (%) các nhà máy chế biến dầu trên thế giới được sử dụng trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến 2011 như sau:

2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
82,7	81,5	83,5	85,4	86,0	85,3	85,0	84,0	80,2	82,1	81,2

Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia có gia tăng công suất chế biến dầu mạnh nhất thế giới. Nếu năm 2001 Trung Quốc có tổng công suất 5,643 triệu thùng/ngày và Ấn Độ có công suất 2,261 triệu thùng/ngày thì đến năm 2011 hai quốc gia này có công suất chế biến tương ứng là 10,834 triệu thùng/ngày và 3,790 triệu thùng/ngày. Trong khoảng thời gian đó, công suất chế biến dầu của Hoa Kỳ và Hàn Quốc chỉ tăng nhẹ (từ 15,162 triệu thùng/ngày và 2,598 triệu thùng/ngày tương ứng lên 17,730 triệu thùng/ngày và 2,783 triệu thùng/ngày), còn

ở Nhật Bản và châu Âu (bao gồm cả Nga) các con số tương tự lại giảm nhẹ, từ 4,705 triệu thùng/ngày và 25,162 triệu thùng/ngày tương ứng xuống còn 4,274 triệu thùng/ngày và 24,570 triệu thùng/ngày.

Cũng theo thống kê của BP [2], lợi nhuận của chế biến dầu trong giai đoạn 2005-2008 là tốt nhất (dao động xung quanh 5 USD/thùng, riêng đối với cụm chế biến dầu ngọt nhẹ Tây - Bắc Âu còn cao hơn); từ 2008 trở đi xu thế giảm rõ rệt, chỉ cụm Tây - Bắc Âu xoay quanh 5 USD/thùng, còn cụm dầu chua nặng Hoa Kỳ chỉ xoay quanh 3-4 USD/thùng, thậm chí đối với cụm dầu chua Singapore rất thấp, có lúc xuống dưới 0. Nếu đánh giá đối với các công ty chế biến dầu lớn thì bức tranh cũng tương tự (xem bảng 2) [3].

Bảng 2: lợi nhuận trong chế biến dầu của một số công ty (triệu USD)

Công ty	2006	2007	2008	2009
ExxonMobil	8.548	9.537	8.151	1.781
BP	5.667	3.569	4.176	4.517
Shell	6.989	6.624	446	3.054
ConocoPhillips	4.481	5.923	2.322	37
Chevron	3.973	3.502	3.429	565
Marathon	2.795	2.007	1.179	464
Valero	5.461	5.234	-1.131	-1.982
Sunoco	979	891	776	-329

So với năm 2006, lợi nhuận chế biến dầu của tất cả các công ty đều giảm mạnh, có công ty đã lỗ nặng. Với công suất vận hành khoảng 4 tỷ tấn/năm (88 triệu thùng/ngày) ngành công nghiệp chế biến dầu là ngành công nghiệp có quy mô và doanh thu lớn nhất thế giới, đồng thời cũng là một trong những ngành công nghiệp có tầm ảnh hưởng hàng đầu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội toàn nhân loại. Các quốc gia có nền công nghiệp chế biến dầu với quy mô lớn nhất thế giới là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc. Các công ty chế biến dầu lớn nhất ở Hoa Kỳ là Chevron, ExxonMobil, ConocoPhillips, Valero và BP-America; còn ở ngoài nước Mỹ thì lớn nhất là các công ty Sinopec (Trung Quốc), Rosneft (Nga), Nippon (Nhật

Bản), SK Innovation (Hàn Quốc) và Indian Oil Corporation (Ấn Độ) [4].

Hiện nay, nhu cầu nhiên liệu ở các quốc gia đang phát triển, nhất là ở châu Á, đang có xu thế tăng. Điển hình vẫn là Trung Quốc, trong 10 năm từ năm 2001 đến 2011, nước này tăng mức sử dụng từ 228 triệu tấn/năm lên 461 triệu tấn/năm. Trong thời gian đó, Ấn Độ cũng tăng mức sử dụng từ 107 triệu tấn/năm lên 162 triệu tấn/năm. Theo đánh giá của OPEC, từ 2015 đến 2020, nhu cầu nhiên liệu lỏng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ tăng khoảng 2%, trong khi ở các nước Bắc Mỹ và châu Âu thì giảm nhẹ [5]. Tình hình đó làm cho các công ty dầu khí quốc gia ở khu vực này nhận thấy có ưu thế trong mở rộng đầu tư, mặc dù điều đó không thật logic vì cung trên toàn cầu vẫn đang dư thừa. Ở các quốc gia cung chưa đủ cầu ("demand - rich" countries) hoặc các quốc gia giàu nguyên liệu ("oil - rich" countries) đều đang có xu thế này. đương nhiên, việc xây thêm các cơ sở chế biến sẽ làm tăng thêm giá trị của dầu và lợi nhuận của quốc gia sản xuất dầu. Trong cả hai trường hợp, nhiều công ty dầu khí quốc gia (National Oil Company - NOC) hợp tác với các công ty dầu khí quốc tế (International Oil Company - IOC) để tăng thêm lợi nhuận nhờ dựa vào năng lực quản trị và vận hành, kinh nghiệm đầu tư vốn liếng và cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế. Hợp tác với các IOC cũng giúp cho các NOC đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực sản xuất dầu mỡ nhờn và công nghiệp hóa dầu. Tất cả những điều đó có tác dụng làm cho nền kinh tế của quốc gia mạnh hơn, tăng GDP, nhờ giảm nhập khẩu, tăng xuất khẩu, tạo thêm công ăn việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động chuyên nghiệp. Về phía các IOC, việc hợp tác với các NOC cũng rất có lợi, bởi vì nếu không có quan hệ hợp tác, các NOC có thể có tác động để chính phủ của mình đóng cửa thị trường nội địa đối với họ. Điển hình của sự hợp tác

có hiệu quả giữa NOC và IOC là năm 2005 Aramco và Sumitomo Chemical đã xây dựng liên doanh lọc - hóa dầu Petro Rabigh 10 tỷ USD; mỗi bên giữ 37,5% cổ phần, 25% cổ phần còn lại bán trên thị trường chứng khoán Tadawul của Saudi Arabia. Năm 2008 tổ hợp lọc - hóa dầu này đi vào vận hành và năm 2011 được Platts xếp thứ hai trong số các công ty phát triển nhanh nhất với lợi nhuận tăng 167,5%. Năm 2008 Aramco lại liên doanh với Total xây dựng tổ hợp lọc - hóa dầu Satorp 12 tỷ USD tại Saudi Arabia; dự kiến năm 2013 đi vào vận hành và sẽ sản xuất diesel, nhiên liệu phản lực, xăng và các sản phẩm hóa dầu. Một liên doanh khác giữa ExxonMobil (25%), Saudi Aramco (25%) và Sinopec (50%) được hình thành năm 2009 để mở rộng và bổ sung phần hóa dầu cho nhà máy lọc dầu Fujian tại Quảng Châu trị giá 4,5 tỷ USD.

Xu thế phát triển công nghiệp chế biến dầu khí trên thế giới và ở Việt Nam

Tăng cường sử dụng năng lượng sạch và khí thiên nhiên

Theo các thông tin của Business Monitor International [6] về công suất chế biến dầu và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của các nước, vùng lãnh thổ khu vực châu Á - Thái Bình Dương, xu thế diễn biến công suất và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm dầu ở các nước, vùng lãnh thổ khá phức tạp. Ở Australia và Đài Loan, cả hai chỉ tiêu đều thay đổi không đáng kể trong khoảng thời gian hơn 10 năm (từ năm 2008 đến năm 2020). Ở Nhật Bản thì cả công suất chế biến lẫn nhu cầu tiêu thụ đều giảm đáng kể; nhu cầu tiêu thụ giảm nhanh hơn công suất chế biến và cuối cùng là đến năm 2020 sẽ cân bằng cung - cầu. Ở Hàn Quốc thì cung tăng, cầu giảm, đến năm 2020 cung cao hơn cầu, nhưng từ năm 2010 công suất chế biến đã không còn tăng nữa.

Ấn Độ là trường hợp khá đặc biệt; công suất chế biến tăng, nhưng cũng từ năm 2011 giữ nguyên không đổi, trong khi cầu thì tăng một thời gian rồi lại giảm, cuối cùng cung vẫn cao hơn cầu. Ở các nước Indonesia, Thái Lan, Philippines, Pakistan, Singapore, công suất chế biến cũng như nhu cầu tiêu thụ đều tăng nhưng không nhiều; riêng ở Malaysia thì nhu cầu có tăng nhưng công suất chế biến lại giữ nguyên trong suốt giai đoạn khảo sát. Trong số các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương, Trung Quốc là trường hợp cả cung lẫn cầu đều có chiều hướng tăng rất mạnh; ở giai đoạn 2008 thì cung vượt cầu, đến 2010 cung cầu đạt cân bằng, và đến 2013 thì cầu vượt cung. Thực chất, Trung Quốc là quốc gia góp phần rất lớn vào gia tăng nhu cầu sản phẩm dầu trong vùng này và cho cả thế giới. Một số quốc gia và công ty, ví dụ Thái Lan với cung đang vượt cầu, có chủ trương xuất sản phẩm dầu sang các vùng lân cận phía nam Trung Quốc [7].

Xu thế (dự báo) nhu cầu tiêu thụ sản phẩm dầu giảm hoặc không tăng ở nhiều quốc gia có hai nguyên nhân có mối liên quan với nhau. Đó là tiết kiệm năng lượng và chuyển sang sử dụng các dạng năng lượng khác sạch hơn, hoặc không phát thải, trong đó đáng quan tâm nhất là nhiên liệu sinh học, năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Theo số liệu thống kê năm 2012 [2, 8], sản lượng nhiên liệu sinh học các nước trong vùng được ghi nhận như sau (tính quy đổi tương đương với sản phẩm dầu về nhiệt trị): Trung Quốc: 1.149 ngàn tấn, Thái Lan: 915 ngàn tấn, Ấn Độ: 286 ngàn tấn, Australia: 284 ngàn tấn, Hàn Quốc: 202 ngàn tấn, Malaysia: 97 ngàn tấn, các nước khác: 716 ngàn tấn. Tổng cộng, sản lượng nhiên liệu sinh học trong khu vực là 3.649 ngàn tấn. So với sản lượng ethanol và biodiesel toàn thế giới (58.868 ngàn tấn) thì sản lượng của các nước trong khu vực còn rất thấp, tuy vậy, đang có xu thế tăng rõ rệt và có ảnh hưởng nhất định đến

chiến lược phát triển công nghiệp chế biến dầu khí trong thập kỷ tới.

Một xu thế khá mạnh hiện nay ở thế giới cũng như tại Việt Nam là tăng cường sử dụng khí thiên nhiên, CNG, LNG trong sản xuất điện, chất đốt công nghiệp, giao thông vận tải, nhằm tạo thêm nguồn cung cho các nhu cầu sản phẩm LPG, FO và nguyên liệu hóa dầu.

Ở Việt Nam, mới chỉ có một nhà máy chế biến dầu với công suất 6,5 triệu tấn/năm tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Nhà máy này thực chất mới có phần lọc dầu để sản xuất các loại nhiên liệu; phần hóa dầu chỉ là phụ với phần xuống sản xuất polypropylen công suất 150.000 tấn/năm. Theo đánh giá của các chuyên gia Việt Nam cũng như của BP [2], với công suất như vậy, Nhà máy lọc dầu Dung Quất chỉ mới bảo đảm được khoảng 1/3 nhu cầu trong nước là khoảng 16 triệu tấn sản phẩm. Khi tổ hợp lọc - hóa dầu Nghi Sơn với công suất lọc 10 triệu tấn/năm đi vào hoạt động (sớm nhất cũng sau năm 2015) thì tổ hợp này cùng với Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ bảo đảm được khoảng hơn 2/3 nhu cầu nhiên liệu cho cả nước là xung quanh 18 triệu tấn [9, 10]. Điều dễ hiểu là nhu cầu các sản phẩm nhiên liệu trong những năm sắp tới sẽ tiếp tục gia tăng, cho nên, việc Việt Nam có thêm công suất chế biến dầu trong tương lai là điều không cần bàn cãi. Thực tế, sau dự án Nghi Sơn, một vài dự án lọc - hóa dầu đang nằm trong quy hoạch của PetroVietnam cũng như các chủ đầu tư khác như dự án Long Sơn (200 ngàn thùng/ngày), dự án Vũng Áng (300 ngàn thùng/ngày), dự án Khánh Hòa (200 ngàn thùng/ngày) [6]. Dự án liên doanh hóa dầu Long Sơn giữa PetroVietnam và đối tác Thái Lan cũng đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Gần đây, có thông tin gây ngạc nhiên cho nhiều người [11] là Tập đoàn dầu khí Thái Lan PTT và tỉnh Bình Định đã có thỏa thuận xây dựng tổ hợp lọc - hóa dầu

ở khu kinh tế Nhơn Hội công suất 30 triệu tấn/năm với vốn đầu tư 28,7 tỷ USD. Cũng có thông tin về việc một vài địa phương chuẩn bị đầu tư các nhà máy chế biến dầu khác, như ở Phú Yên, Cần Thơ.

Sự tham gia của các công ty dầu khí quốc tế

Sự liên minh (hiểu theo nghĩa rộng là liên doanh hoặc một dạng hợp tác khác, kể cả 100% vốn nước ngoài) trong chế biến dầu khí giữa các quốc gia/các NOC với các IOC là phù hợp với lợi ích hai bên. Nói chung, thành công của các liên minh chỉ có thể được xây dựng trên ba nguyên tắc [5]:

- Các đối tác phải thống nhất với nhau từ đầu một chiến lược rõ ràng. Điều đó có nghĩa là tầm nhìn, mục tiêu, những ưu đãi (kể cả hỗ trợ hoặc miễn thuế) và phạm vi hợp tác phải được xác định rõ, nguồn giá trị và thước đo thành công phải được cùng nhau xác định. Trong nhiều trường hợp, các liên doanh của IOC với NOC có những thuận lợi nhất định trong việc nhận được hỗ trợ từ chính phủ, kể cả miễn giảm thuế nhập khẩu, cung cấp tín dụng và ưu đãi về mức thuế so với trường hợp các IOC đầu tư 100% vốn.

- Việc ra quyết định phải kịp thời và chuẩn xác. Ban điều hành liên doanh phải thống nhất từ trước những quyết sách quan trọng nhất và bảo đảm là vai trò và quyền ra quyết định được xác định rõ ràng.

- Những quy trình chủ yếu và những chỉ tiêu của liên doanh phải được xác định rõ ràng và chúng phải được đưa vào trong thiết kế và tổ chức liên doanh ngay từ đầu.

Trong thực tế, các nguyên tắc trên đây không dễ được tuân thủ khi hình thành các liên doanh. Không ít trường hợp các NOC/quốc gia không coi trọng lợi ích của các bên liên doanh bằng việc bảo vệ thị trường nội địa. Sự tan vỡ liên doanh giữa PetroVietnam với

các đối tác nước ngoài trong Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất vào năm 1997 thuộc trường hợp này. Chúng ta đã không nhân nhượng cho các đối tác trong việc được chia một phần thị trường, dù chỉ là thị trường bán buôn, để có thể làm tăng giá trị lợi nhuận (IRR) của Dự án (chỉ 7% đến 11% nếu chỉ chế biến mà không phân phối) lên mức bảo đảm cho họ có lợi nhuận ở mức chấp nhận được.

Các nhà đầu tư (các IOC và cả một số NOC) thường được khuyến cáo là, trước khi tham gia liên doanh, phải nghiên cứu kỹ những đặc điểm của các NOC mà họ định hợp tác, nhất là quyền tự chủ của NOC, bởi vì tính tự chủ của các NOC ở các nước rất khác nhau. Các nhà đầu tư cũng được cảnh báo rằng, việc nhận giấy phép đầu tư không phải đơn giản, thường kéo dài và làm giảm không giới hạn giá trị của cơ hội đầu tư. Sự thiếu rõ ràng về chủ sở hữu, cơ quan chủ quản và cơ quan ra quyết định không những làm chậm quá trình phê duyệt mà còn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động lâu dài của liên doanh.

Cùng với việc xây thêm những cơ sở chế biến dầu mới, những biến động của thị trường sản phẩm và thay đổi nguồn dầu thô đang tạo ra sự cần thiết phải xây dựng cơ sở hạ tầng mới cho khâu phân phối cũng như mở ra nhiều cơ hội cho hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh như vậy, với sự xem xét quy mô và tính năng động của thị trường cũng như vai trò của chính phủ nước sở tại, các nhà đầu tư được khuyến cáo nên chọn các NOC có khả năng xây dựng hoặc mua lại cơ sở hạ tầng cho khâu phân phối. Ví dụ, Công ty ENOC (Emirates National Oil Co.) đã xây dựng được mạng lưới các kho chứa ở Singapore, Hàn Quốc, Djibouti và Marocco trong vòng không đầy 10 năm. Mặc dù thị trường sản phẩm dầu phần lớn do các IOC và các tập đoàn thương mại xuyên quốc gia khống chế, một số NOC đã có những tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao

năng lực đầu tư vào các quốc gia khác, kể cả ở Hoa Kỳ, thường được bắt đầu bằng đầu tư khâu phân phối sản phẩm.

Những chuyển dịch trong công nghiệp chế biến dầu khí hiện nay có thể giúp các NOC kinh doanh có hiệu quả, tuy nhiên, để tối đa hóa lợi nhuận và tránh những chi phí không cần thiết, các NOC nhất thiết phải hoàn thiện đến mức cao nhất có thể được năng lực quản trị, vận hành và sử dụng vốn. Thực tế, đã có một số NOC đưa ra được những quyết sách đúng đắn về việc tạm thời giãn tiến độ mở rộng công suất chế biến và tiêu thụ, nhưng họ vẫn có thể hoàn thiện hơn nữa năng lực quản trị chuỗi cung cấp của mình. Đương nhiên, việc liên minh với các IOC sẽ làm cho thời kỳ “học hỏi” của các NOC giảm nhanh hơn, tuy nhiên, vấn đề là hợp tác như thế nào để có lợi nhất lại là câu hỏi không dễ có câu trả lời thỏa đáng. Không giống với các IOC và các công ty độc lập, khi đầu tư vào lĩnh vực chế biến dầu khí, các NOC phải quan tâm đến việc tạo công ăn việc làm cho thị trường nội địa. Có thể làm được điều đó không nếu chỉ đầu tư cho lọc dầu, hay phải mở rộng đầu tư vào sản xuất dầu mỡ nhờn, công nghiệp hóa dầu, sản xuất nhiên liệu sinh học, thương mại và các phương án khác?

Lịch sử của ngành chế biến và phân phối dầu khí thế giới cho thấy, đối với các thị trường đang phát triển như Việt Nam, sự tham gia vào khâu phân phối của các IOC luôn là bước đột phá và tiền đề để họ tham gia vào khâu chế biến.

Một số đề xuất nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến dầu khí ở Việt Nam

Cho đến năm 2009, Việt Nam mới xây dựng thành công một nhà máy lọc dầu, tuy nhiên, lịch sử ngành dầu khí Việt Nam đã ghi nhận cả một thời kỳ rong rã mấy chục năm trời đi tìm



Nhà máy lọc dầu Dung Quất

đối tác hợp tác. Trước năm 1975, ở miền Nam có nhiều công ty bày tỏ ý định hợp tác đầu tư nhưng đều không khởi động được dự án nào, ở miền Bắc có một dự án cũng dở dang. Từ 1975, Đảng và Nhà nước đã bắt tay ngay vào việc chuẩn bị xây dựng công nghiệp chế biến dầu. Ngay trong năm 1975 đã có nhiều phương án xây dựng hai cơ sở lọc - hóa dầu ở miền Bắc (Nghị Sơn) và ở miền Nam (Tuy Hạ) với kỳ vọng có sự tham gia của nhiều quốc gia, trong đó Dự án Tuy Hạ hợp tác giữa hai Nhà nước Việt Nam và Liên Xô kéo dài từ cuối 1975 (ký Hiệp định liên chính phủ) cho đến cuối năm 1990 thì dừng lại, không đi đến cùng được. Từ 1990, đáp lại sự kêu gọi hợp tác đầu tư dưới nhiều hình thức của PetroVietnam, đã có hàng chục tập đoàn/công ty quốc tế và quốc gia đến chào thầu, thương thảo, thậm chí đã cùng PetroVietnam lập luận chứng khả thi, nhưng rồi lại ra đi, không một ai ở lại. Đó là các tập đoàn/công ty đến từ Nhật Bản, Pháp, Anh, Hà Lan, Bỉ, Ý, Đức, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan. Đối tác cuối cùng tham gia Dự án Dung Quất đến từ người bạn cố tri là Công ty Zarubezneft của Liên bang Nga cũng ra đi sau hơn 4 năm cùng “nắm mặt nắm gai” với chúng ta. Cuối cùng thì Nhà máy lọc dầu Dung Quất cũng chỉ một mình PetroVietnam làm chủ đầu tư.

Cho đến nay, chưa có sự đánh giá chính thức nào về sự không thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên ấy của Việt Nam, nhưng

những nguyên nhân dẫn đến thất bại chắc không chỉ đến từ khách quan. Việc tìm hiểu và đánh giá tầm ảnh hưởng của những nguyên nhân đó có lẽ không phải là chuyện nhỏ. Tuy nhiên, bài viết này chỉ xin đưa ra một số đề xuất có thể có ích cho các nhà hoạch định chính sách thu hút đầu tư vào khu vực chế biến dầu khí hiện nay.

Mục tiêu trước hết của bất kỳ nhà đầu tư nào, bất kể là công ty quốc tế hay công ty quốc gia, là phải có lợi. Vì vậy, nguyên tắc cao nhất trong hợp tác đầu tư là bảo đảm lợi ích hài hòa cho các đối tác. Đương nhiên, lợi ích của nhà đầu tư không phải chỉ được tính bằng tiền lời thu được mà bao gồm cả lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, lợi ích hữu hình và lợi ích vô hình. Mỗi công ty có thể có quan điểm khác nhau khi xem xét lợi ích cho mỗi quyết định tham gia đầu tư, tuy nhiên, hiệu quả đầu tư thì phải tuân theo những tiêu chí nhất định. Trong bối cảnh hiện nay, theo suy nghĩ của các tác giả bài viết, những vấn đề sau đây có thể cần cân nhắc kỹ trong các quyết sách thu hút đầu tư vào khâu chế biến dầu khí:

- Xác định minh bạch, rõ ràng mức độ tham gia thị trường nội địa của đối tác. Lý do đầu tiên và rất quan trọng là, nếu không được tham gia thị trường nội địa thì lợi nhuận khó được bảo đảm ở mức tối thiểu chấp nhận được. Trong bối cảnh biến động nhanh của thị trường sản phẩm dầu khí như hiện nay, việc các nhà đầu tư được tham gia thị trường nội địa đã trở thành điều tất yếu. Đương nhiên, họ cũng chỉ có khả năng tham gia thị

trường ở mức tương xứng với tỷ lệ cổ phần của mình.

- Thị trường xăng dầu của chúng ta đang trong tình trạng chưa có cơ chế thị trường thực thụ, mà có sự can thiệp của Nhà nước, vì vậy, tính minh bạch là hết sức cần thiết để nhà đầu tư không bị thiệt do những can thiệp có tính áp đặt đối với doanh nghiệp trong nước mà chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước. Thực tế, vừa qua cơ chế giá mà Nhà nước buộc Nhà máy lọc dầu Dung Quất tuân thủ là không thể áp đặt được cho một liên doanh có sự tham gia của đối tác nước ngoài. Bởi vì, sự hạch toán kinh tế của Nhà máy đã không phản ánh bản chất của hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường. Mặt khác, trong chừng mực mà cơ chế thị trường được tuân thủ thì độc quyền là điều không thể chấp nhận; các nhà phân phối phải bình đẳng trong giới hạn đã được pháp luật và hợp đồng liên doanh quy định. Ví dụ, nếu Nhà nước bắt buộc phải bán sản phẩm dưới giá nhập khẩu và bù lỗ cho các nhà nhập khẩu thì phải có chính sách thích hợp đối với nhà đầu tư nước ngoài khi họ cũng phải bán với giá thấp như các nhà nhập khẩu (muốn bán với giá cao hơn cũng không ai mua). Điều này không thể “đeo cà vạt giữa đường” mà phải đưa vào hợp đồng và cam kết của Chính phủ.

- Công việc giải phóng mặt bằng và các công trình ngoài hàng rào thường là những nội dung tranh chấp giữa các nhà đầu tư với nước chủ nhà mà đại diện là doanh nghiệp chủ đầu tư (ví dụ, PetroVietnam). Thỏa thuận về các hạng mục này là vấn đề phải được minh bạch hóa ngay từ đầu để đối tác đầu tư cùng chủ đầu tư đưa vào tính toán báo cáo khả thi.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm của Nhà máy cũng như các tiêu chí bảo vệ môi trường phải được Nhà nước công bố rõ ràng cho một thời kỳ nhất định.

- Chính sách thuế của Nhà nước phải được quy định hợp lý và minh bạch, đặc biệt là thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu dầu thô cũng như các vật liệu được sử dụng cho xây dựng và vận hành công trình. Chính sách khuyến khích việc sử dụng nguyên vật liệu và dịch vụ nội địa của Nhà nước cần được chi tiết hóa một cách rõ ràng để tránh những tranh chấp và diễn giải không thỏa đáng về sau. Chính sách thuế cần ổn định, không nên thay đổi quá nhanh và quá nhiều lần.

- Cơ chế tài chính của liên doanh cần được thỏa thuận chi tiết và rõ ràng, bao gồm cơ chế chính sách đối với dòng tiền của liên doanh cũng như đối với lợi nhuận của đối tác trong hoạt động tái đầu tư (trong và ngoài dự án) và chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Toàn bộ dầu thô, nguyên liệu, xúc tác, hóa phẩm, dịch vụ kỹ thuật cao phải nhập bằng ngoại tệ, mà sản phẩm chủ yếu bán bằng đồng Việt Nam, cho nên cần một cơ chế ngoại hối phù hợp và ổn định.

- Trong bối cảnh hiện nay, với sự dư thừa công suất chế biến dầu trên toàn cầu, việc có chính sách thỏa đáng để khuyến khích đối tác cung cấp nguyên liệu dầu thô và tiêu thụ sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng. Đặc biệt, nếu công suất chế biến của Việt Nam sắp tới dư thừa thì khả năng cạnh tranh quyết liệt về thị trường nội địa là rất hiện thực. Điều này không những buộc nhà đầu tư phải nghĩ đến thị trường quốc tế mà bài toán về tính khả thi của dự án còn liên quan đến các chính sách của Nhà nước với ý nghĩa là dự án phải đạt được lợi nhuận thực trong bối cảnh thị trường sản phẩm liên thông trên phạm vi khu vực và quốc tế.

- Như đã đề cập ở trên, các IOC rất quan ngại việc các NOC ở mỗi quốc gia chịu sự quản lý nhà nước theo cách khác nhau và thường là hay thay đổi. Vì vậy, việc chốt lại những quy định có tính nguyên

tắc trong quản lý và điều hành liên doanh ngay từ đầu là điều có tầm quan trọng không nhỏ. Sự ổn định và minh bạch của hệ thống chính sách của Nhà nước là một yếu tố quan trọng tạo niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài.

- Nhà nước cần một chiến lược dài hạn nhằm gia tăng sức cạnh tranh của nền sản xuất nội địa đối với thị trường khu vực và thị trường thế giới, trong đó, các biện pháp giảm các chi phí sản xuất, chi phí lưu thông phân phối và chi phí phi sản xuất liên quan tới các thủ tục, lệ phí, tham nhũng... có tác động không nhỏ ■

Tài liệu tham khảo và chú thích

[1] http://www.eia.gov/emeu/finance/mergers/refcap_tab1.html

[2] BP Statistical Review of World Energy June 2012; bp.com/statisticalreview

[3] Adreus A., Pirog R., Sherlock M.F., The US Oil Refining Industry: Background in Changing Markets and Fuel Policies, November 22, 2010; books.google.com.vn

[4] Excerpt from Petroleum Refining Industry Profile; <http://www.firstresearch.com/Industry-Research/Petroleum-Refining.html>

[5] How can we benefit from the growing activity in emerging economies? <http://www.bain.com/publications/articles/global-refining.aspx>

[6] Vietnam Oil & Gas Report Q3 2011 includes BMI's Forecasts, Business Monitor International; www.Businessmonotor.com

[7] <http://www.mbandi.com/indy/oilg/ogrf/as/th/p0005.htm>

[8] www.pecc.org/resources/doc_view/1804-global-biofuel-production-andfood-implications-for-asia-pacific

[9] US Energy Information Administration. Independent Statistics & Analysis. Last Update May 9, 2012.

[10] Vu Thanh Ha, Workshop Energy & Environmental Partnership - Mekong, Vientiane, October 26-27, 2012.

[11] Tran Thuy, Việt Nam thành cường quốc lọc dầu? <http://vef.vn/tranh-luan-online/2012-11-26-viet-nam-thanh-cuong-quoc-loc-dau->